

Số: 90 /TB-TMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UBCKNN VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi/ To:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần ô tô TMT

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TMT

Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại/ *Telephone*: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Bùi Quốc Công

Chức vụ/ *Position*: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  Theo yêu cầu

**Công ty cổ phần ô tô TMT xin trân trọng thông báo:**

Ngày 27/01/2022 Công ty cổ phần ô tô TMT đã công bố báo cáo tài chính riêng của Công ty Mẹ quý IV/2021, giải trình kết quả sản xuất kinh doanh quý IV/2021 kết thúc ngày 31/12/2021.

Thông tin này được đăng công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần ô tô TMT vào ngày 27/01/2022: <http://www.tmt-vietnam.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính;
- Báo cáo giải trình.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Bùi Quốc Công

Số: /TMT-TCKT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Giải trình KQSXKD

Quý IV năm 2021 và cả năm  
2021

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

Công ty Cổ phần ô tô TMT (Mã chứng khoán: TMT) đã tiến hành công bố Báo cáo tài chính quý IV năm 2021. Liên quan đến nội dung công bố, Công ty chúng tôi xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm 2020 như sau:

**1. Tình hình hoạt động kinh doanh tại Công ty quý IV năm 2021 :**

Dvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý IV Năm 2021	Quý IV Năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	855,630,734,308	528,538,967,322	327,091,766,986	62%
2	Giá vốn hàng bán	757,675,433,465	486,889,312,201	270,786,121,264	56%
3	Lợi nhuận gộp BH và CCDV	97,955,300,843	41,649,655,121	56,305,645,722	135%
4	Doanh thu tài chính	1,714,721,121	1,573,958,506	140,762,615	9%
5	Chi phí tài chính	45,511,402,622	14,079,216,695	31,430,928,393	223%
6	Chi phí bán hàng	20,396,811,496	11,967,822,521	8,428,988,975	70%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,651,306,600	15,921,412,892	(2,270,106,292)	-14%
8	Lợi nhuận khác	(3,525,722,486)	(621,073,634)	(2,904,648,852)	468%
9	Lợi nhuận sau thuế	13,218,575,155	450,185,199	12,768,389,956	2836%

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2021 đạt 13,218,575,155 đồng, tăng 12,768,389,956 VND tương ứng 2836% so với cùng kỳ năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do:

- Doanh thu tài chính quý IV năm 2021 tăng 327 tỷ so với quý IV năm 2020 nguyên nhân chủ yếu là do áp dụng nhiều chính sách bán hàng ưu đãi, cạnh tranh trong thị trường.

- Chi phí tài chính quý IV năm 2021 tăng 31 tỷ đồng, tương ứng tăng 223% chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ những khoản phải trả NCC có gốc ngoại tệ

- Đồng thời chi phí bán hàng tăng 8,4 tỷ tương ứng tăng 70% do công ty tập trung tiến hành chính sách thúc đẩy bán hàng đối với những dòng xe và vùng trọng điểm.

## 2. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 của toàn Công ty

Doanh thu bán hàng hợp nhất năm 2021 đạt 2,532 tỷ tăng 753 tỷ tương ứng với 42% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 40,5 tỷ đồng, tăng trưởng 2,240% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do hoạt động sản xuất kinh doanh từ công ty mẹ

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu có tác động lớn đến kết quả kinh doanh quý III năm 2021 của Công ty cổ phần ô tô TMT.

Xin trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, P.TCKT.



Bùi Văn Hữu



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỰ LẬP**  
*cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Lãnh Đạo Công Ty</b>	2 - 3
<b>Báo cáo tài chính riêng</b>	4 - 21
Bảng cân đối kế toán	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 21

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Báo cáo của Ban lãnh đạo Công ty (tiếp theo)**

### **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY**

Ban lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;
Bà Trịnh Thị Hồng Lê	Ủy viên;
Bà Đỗ Thị Hạnh	Ủy viên;
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên.

#### **BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ PHỤ TRÁCH PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban lãnh đạo Công ty và Phụ trách Phòng tài chính kế toán trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Lê Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc;	Bổ nhiệm ngày 08/6/2021
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Phụ trách Phòng tài chính kế toán.	

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

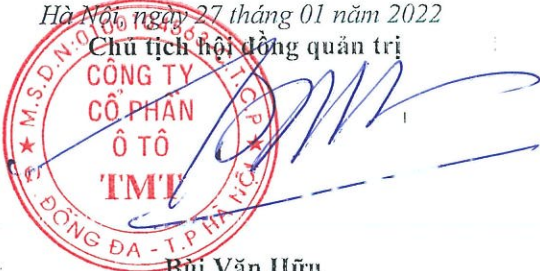
## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Báo cáo của Ban lãnh đạo Công ty (tiếp theo)**

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022  
Chủ tịch hội đồng quản trị  
  
Bùi Văn Hữu



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,790,510,216,585</b>	<b>1,320,648,234,585</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>26,945,657,326</b>	<b>62,746,460,019</b>
1. Tiền	111	V.01	26,945,657,326	62,746,460,019
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>65,923,915,162</b>	<b>5,000,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1,073,530	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(541,930)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65,923,383,562	3.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>604,411,929,137</b>	<b>150,936,602,195</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	215,611,284,142	42,070.090.772
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24,223,409,036	8,319,555.279
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	27,941,441,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	366,038,018,223	74,066,297,408
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1,482,164,277)	(1,482,164,277)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		21,382,013	21.382.013
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>1,999,515,120,697</b>	<b>1,078,466,965,160</b>
1. Hàng tồn kho	141		2,013,992,524,218	1.081.885.630.501
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(14,477,403,521)	(3.418.665.341)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>93,713,594,263</b>	<b>25,498,207,211</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	9,064,144,378	6,917,935,456
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		84,532,126,284	18,244,253,292
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	117,323,601	336,018,463
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>410,425,625,141</b>	<b>385,879,994,996</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15,000,000</b>	<b>110,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	15,000,000	110,000,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>306,827,641,978</b>	<b>311,174,722,502</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	256,109,517,928	260,406,902,022
- Nguyên giá	222		436,547,997,786	424,431,783,149
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(180,438,479,858)	(164,024,881,127)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50,718,124,050	50,767,820,180
- Nguyên giá	228		50,933,945,000	50,933,945,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(215,820,950)	(166,124,520)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.08</b>	<b>1,580,252,031</b>	<b>11,031,479,804</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,580,252,031	11,031,479,804
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>34,799,500,000</b>	<b>704,700</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		34,799,500,000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1,073,530
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(368,830)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>67,203,231,132</b>	<b>63,563,087,990</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	67,203,231,132	63,563,087,990
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3,200,935,841,726</b>	<b>1,706,528,229,581</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,740,101,743,434</b>	<b>1,289,232,775,617</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,660,769,015,607</b>	<b>1,218,328,053,117</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1,564,846,713,499	672,155,779,861
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		207,160,858,610	72,839,209,932
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	12,353,129,777	1,562,700,800
4. Phải trả người lao động	314		7,700,250,797	9,717,617,378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	42,911,506,587	17,178,966,602
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	69,025,574,546	22,357,589,926
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	756,791,332,253	422,473,638,801
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		(30,300,000)	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9,949,538	42,549,817
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>79,332,727,827</b>	<b>70,904,722,500</b>
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	26,400,000,000	26,000,060,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	52,932,727,827	44,904,662,500
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>460,834,098,292</b>	<b>417,295,453,964</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>460,834,098,292</b>	<b>417,295,453,964</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		372,876,800,000	372,876,800,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372,876,800,000	372,876,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		360,727,500	360,727,500
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		483,226,387	483,226,387
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8,680,989,647)	(8,680,989,647)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16,392,834,071	16,338,559,350
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79,401,499,981	35,917,130,374
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		35,808,580,932	34,107,972,993
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		43,592,919,049	1,809,157,381
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,200,935,841,725</b>	<b>1,706,528,229,581</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Bùi Đức Huy

Phụ trách  
Phòng Tài chính kế toán

Nguyễn Nghĩa Trung

Chủ tịch hội đồng quản trị

Bùi Văn Hữu



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2,533,136,386,015	1,779,914,693,967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	3,411,720,949	33,638,905,464
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	2,529,724,665,066	1,746,275,788,503
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	2,294,703,247,579	1,592,994,063,161
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		235,021,417,487	153,281,725,342
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	18,077,601,580	2,870,215,952
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	73,677,477,668	63,187,384,769
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43,410,393,003	63,179,211,968
8. Chi phí bán hàng	25	VI.08	64,087,600,851	39,333,027,497
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	57,589,252,530	49,366,401,380
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57,744,688,019	4,265,127,648
11. Thu nhập khác	31	V.06	1,697,445,947	447,241,085
12. Chi phí khác	32	V.07	4,711,614,805	2,043,292,797
13. Lợi nhuận khác	40		(3,014,168,858)	(1,596,051,712)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54,730,519,161	2,669,075,936
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	11,137,600,112	859,918,555
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		43,592,919,049	1,809,157,381
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,182	49

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

36,877,980

Giá trị sổ sách

11,120

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

Phụ trách  
Phòng Tài chính kế toán


Nguyễn Nghĩa Trung

Chủ tịch hội đồng quản trị



Bùi Văn Hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Corinco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021**

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế 12 tháng	
				Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	857,521,291,621	529,907,836,207	2,533,136,386,015	1,779,914,693,967
2	Các khoản giảm trừ doanh thu:	02	VI.02	1,890,557,313	1,368,868,885	3,411,720,949	53,638,905,464
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	855,630,734,308	528,538,967,322	2,529,724,665,066	1,746,275,788,503
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	757,675,433,465	486,889,312,201	2,294,703,247,579	1,592,994,063,161
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.04	97,955,300,843	41,649,655,121	235,021,417,487	153,281,725,342
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1,714,721,21	1,573,958,506	18,077,601,580	2,870,215,952
7	Chi phí tài chính	22	VI.05	45,510,45,088	14,079,216,695	73,677,477,668	63,187,384,769
8	- Trang đó: Chi phí lãi vay	23	VI.05	45,501,393,422	14,079,496,895	43,410,393,003	63,179,211,968
9	Chi phí bán hàng	25	VI.08	20,396,811,496	11,967,822,521	64,087,600,851	59,333,027,497
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	13,651,306,500	15,921,412,892	57,589,252,530	49,366,401,380
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VI.08	20,111,758,780	1,255,161,519	57,744,688,019	4,265,127,648
12	Thu nhập khác	31	V.06	1,168,659,744	75,938,650	1,697,445,947	447,241,085
13	Chi phí khác	32	V.07	4,694,382,230	697,012,284	4,711,614,805	2,043,292,797
14	Lợi nhuận khác	40		(3,525,722,486)	(621,073,634)	(3,014,168,858)	(1,596,051,712)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,586,036,294	634,087,885	54,730,519,161	2,669,075,936
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3,567,461,139	183,902,686	11,137,600,112	859,918,555
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13,2-8,575,155	450,185,199	43,592,919,049	1,809,157,381
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	70		358	12	1,182	49

Người lập biểu

*Bùi Đức Huy*

Bùi Đức Huy

Phụ trách phòng  
Tài chính kế toán

*Nguyễn Nghĩa Trung*

Nguyễn Nghĩa Trung



Bùi Văn Hữu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	54,730,519,161	2,669,078,936
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	16,521,235,291	16,353,002,179
- Các khoản dự phòng	03	11,028,611,280	(5,737,718,169)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá khoản mục tiền	04	(30,163,802,061)	(1,390,140,191)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(569,593,289)	(244,140,897)
- Chi phí lãi vay	06	43,410,393,003	63,179,211,968
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu d	08	94,957,363,385	74,829,290,826
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	796,674,328,635	58,512,873,871
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(932,106,893,716)	(85,822,723,193)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả)	11	35,856,932,273	459,312,849,722
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5,787,550,065)	(6,329,341,504)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(57,899,833,260)	(64,180,026,393)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4,166,008,882)	(2,933,731,199)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(86,875,000)	(243,012,500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(72,558,536,631)</b>	<b>433,846,156,703</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(2,683,845,954)	(12,711,560,713)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	250,776,899,589	1,400,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34,300,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	569,593,289	989,076,841
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(305,583,378,227)</b>	<b>(42,313,924,872)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,171,398,077,238	1,066,636,366,796
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,829,052,318,459)	(1,407,006,268,695)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>36</b>	<b>342,345,758,779</b>	<b>(340,369,902,399)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(35,796,156,078)</b>	<b>51,162,329,432</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>62,746,460,019</b>	<b>11,584,143,995</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(4,646,615)</b>	<b>(13,408)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>26,945,657,326</b>	<b>62,746,460,019</b>

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

Phụ trách  
Phòng Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung



Bùi Văn Hữu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách công ty con gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh	Số nhà 28, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Liêm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần ô tô TMT Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ Phần ô tô TMT Sài Gòn	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 678 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 630 người).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

### *Các khoản đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát dựa được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

## **04. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **05. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

### 08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chốt danh sách trả cổ tức của Công ty.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

## **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

## Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt	761,795,818	306,054,119
Tiền gửi ngân hàng	26,183,861,508	62,440,405,900
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	0	0
<b>Cộng</b>	<b>26,945,657,326</b>	<b>62,746,460,019</b>
<b>2. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Lê Tiến Phan	-	22,000,000,000
- Công ty CP kinh doanh và dịch vụ số 8	-	2,398,441,000
- Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	-	3,543,000,000
<b>3. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	0	0
<b>4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Ban quản lý dự án 3	2,905,379,780	6,383,616,780
- Công ty CP đầu tư thương mại H&H Hà Nội	-	5,537,003,050
- Công ty CP Kinh doanh và dịch vụ số 8	2,255,554,047	0
- Công ty CP phân phối Motruck Việt Nam	-	4,999,130
- Công ty CP ô tô TMH Hưng Yên	1,162,703,001	0
- Các khoản phải thu khách hàng khác	209,287,647,314	29,719,477,412
<b>Cộng</b>	<b>215,611,284,142</b>	<b>42,070,090,772</b>
<b>5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu người lao động	-	-
Tạm ứng	249,017,948,608	9,955,632,893
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104,479,222,698	48,069,865,364
Phải thu khác	12,540,846,917	16,040,799,131
<b>Cộng</b>	<b>366,038,018,223</b>	<b>74,066,297,488</b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	202,413,665	357,102,024
Nguyên liệu, vật liệu	52,673,105,527	131,073,828,791
Công cụ, dụng cụ	-	4,975,956,451
Chi phí SXKD dở dang	43,660,093,995	81,106,060,956
Thành phẩm	1,310,053,507,026	457,008,919,019
Hàng hóa	179,608,551,262	112,349,981,359
Hàng gửi đi bán	427,794,852,743	295,013,841,910
Kho Bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>2,013,992,524,218</b>	<b>1,081,885,630,501</b>
<b>7. Tài sản dở dang dài hạn</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự án triển khai hệ thống phần mềm quản trị	812,000,000	10,263,006,424
- Dự án khác	768,252,031	768,473,389
<b>Cộng</b>	<b>1,580,252,031</b>	<b>11,031,479,813</b>



## Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8 . Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Thuế GTGT đầu ra		41,000,000	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	-
Thuế xuất, nhập khẩu		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
Thuế thu nhập cá nhân		-	-
Thuế tài nguyên		-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		76,323,601	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác		-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước		-	336,018,463
<b>Cộng</b>		<b>117,323,601</b>	<b>336,018,463</b>

9 . Chi phí trả trước ngắn hạn		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
- Giá trị còn lại của ccđc chờ phân bổ		9,064,144,378	6,917,935,456
<b>Cộng</b>		<b>9,064,144,378</b>	<b>6,917,935,456</b>

10 . Đầu tư dài hạn vào công ty con	31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	01/01/2021
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Công ty CP KD&TM tổng hợp Ngọc Anh	99,998	0	24,999,500,000	-
Công ty Cổ phần TMT Đà Nẵng	490,000	-	4,900,000,000	-
Công ty Cổ phần TMT Sài Gòn	490,000	-	4,900,000,000	-
<b>Cộng</b>			<b>34,799,500,000</b>	<b>-</b>

11 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
+ Cổ phiếu Công ty CP Thiết bị Bưu điện (POT)	24	24	-	679,000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	6	-	394,530
<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>1,073,530</b>

12 . Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
Tên chứng khoán	Số lượng CP	Giá trị theo giá thị trường	Giá trị theo sổ kế toán	Dự phòng giảm giá
+ Cổ phiếu Công ty CP Thiết bị Bưu điện (POT)	24	348,000	679,000	(331,000)
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	183,600	394,530	(210,930)
<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>531,600</b>	<b>1,073,530</b>	<b>(541,930)</b>

13 . Vay và nợ thuê tài chính	01/01/2021	Trong năm		31/12/2021
	VND	Tăng	Giảm	VND
a Vay ngắn hạn	398,694,598,801	2,201,697,413,911	1,843,600,680,459	756,791,332,253
- Vay ngân hàng	383,079,945,708	2,201,480,720,004	1,829,052,318,459	755,508,347,254
+ Ngân hàng BIDV	314,360,106,047	775,927,604,238	776,281,645,006	314,006,065,279
+ Ngân hàng HDBank	54,567,980,543	41,327,393,583	93,469,528,580	2,425,445,540
+ Ngân hàng VP bank	5,289,988,738	882,658,799,541	579,312,711,194	308,636,077,085
+ Ngân hàng Quân đội	-	36,686,903,200	16,343,025,500	20,343,877,760
+ Ngân hàng PVCombank	8,861,870,380	464,880,019,442	363,645,408,179	110,096,481,643

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 +10 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Vay khác	15,614,653,093	216,693,907	14,548,362,000	1,282,983,609
<b>b Vay dài hạn</b>	<b>68,683,702,500</b>	<b>9,338,065,327</b>	<b>25,089,040,000</b>	<b>52,932,727,827</b>
+ Ngân hàng PVCombank	11,000,000,000	0	11,000,000,000	0
+ Ngân hàng BIDV		398,000,000		398,000,000
+ Ngân hàng VP Bank	57,683,702,500	8,940,065,327	14,089,040,000	52,534,727,827
<b>Cộng</b>	<b>467,378,301,301</b>	<b>2,211,035,479,238</b>	<b>1,868,689,720,459</b>	<b>809,724,060,080</b>

<b>14 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp	249,459,866	77,169,188
Thuế TTĐB	368,584,982	86,020,554
Thuế xuất nhập khẩu	-	0
Thuế TNDN	8,833,543,002	496,718,062
Thuế thu nhập cá nhân	2,343,753,727	901,427,996
Thuế tài nguyên	465,000	465,000
Tiền thuế khác	557,323,200	
Các loại thuế khác	-	
Các khoản phí, lệ phí	-	
Các khoản phải nộp khác	-	
<b>Cộng</b>	<b>12,353,129,777</b>	<b>1,562,700,800</b>

<b>15 . Phải trả người bán</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>		
CHONGQUING SHIUGUANG PANT INDUSTRY CO.,LTD.	12,054,000,000	12,174,750,000
CHONGQING SOKON MOTOR (GROUP) IMP&EXP CO.,LTD	97,093,541,429	47,252,101,692
SHANDONG KAMA AUTOMOBILE MANUFACTURING CO., LTD	-	42,720,733,950
WEICHAI SINGAPORE PTE.,LTD	608,715,520	-
SHANGDONG TANGJUN OULING AUTOMOBILE MANUFACTURE	54,622,586,430	21,457,770,773
GUANGXI QUINZHOU LISHUN MACHINERY CO.,LTD	118,788,163,710	54,189,457,675
SINOTRUK IMPORT & EXPRT CO., LTD	1,092,092,323,544	421,053,318,101
WUIIAN DONGFENG FOREIGN TRADE CO.,LTD		
Các đối tượng khác	189,587,382,866	73,307,647,670
<b>Cộng</b>	<b>1,564,846,713,499</b>	<b>672,155,779,301</b>

<b>16 . Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý		
Kinh phí công đoàn	4,706,979,946	3,780,864,096
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	4,688,963	-
Nhiệm ký cược ký quỹ ngắn hạn		0
Các khoản phải trả khác	64,313,905,637	18,576,725,833
<b>Cộng</b>	<b>69,025,574,546</b>	<b>22,357,589,926</b>

<b>17 . Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND
<i>a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Ông Lưu Văn Hữu	123,057,040,000	123,057,040,000
Ông Lê Tiến Phan	18,974,610,000	18,974,610,000
Ông Bùi Quốc Công	38,828,490,000	38,784,150,000
Các cổ đông khác	192,016,660,000	192,060,660,000
<b>Cộng</b>	<b>372,876,800,000</b>	<b>372,876,800,000</b>

## Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2021	01/01/2021
<b>b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức</b>		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	372,876,800,000	372,876,800,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	372,876,800,000	372,876,800,000
- Cổ tức đã chia		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước - bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước - bù trừ công nợ		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước - bằng cổ phiếu		
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay		
<b>d. Cổ phiếu</b>		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37,287,680	37,287,680
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	37,287,680	37,287,680
+ Cổ phiếu phổ thông	37,287,680	37,287,680
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36,877,980	36,877,980
+ Cổ phiếu phổ thông	36,877,980	36,877,980
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	409,700	409,700
+ Cổ phiếu phổ thông	409,700	409,700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10,000	10,000
<b>e. Phân phối lợi nhuận</b>		
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ		35,808,580,932
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng, giảm trong kỳ		43,592,919,049
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ		79,401,499,981

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/12/2020 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	2,533,136,386,015	1,779,914,693,967
<b>Cộng</b>	<b>2,533,136,386,015</b>	<b>1,779,914,693,967</b>



## Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/12/2020 VND
<b>2 . Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	1,890,557,313	
Hàng bán bị trả lại	1,521,163,636	33,638,905,464
<b>Cộng</b>	<b>3,411,720,949</b>	<b>33,638,905,464</b>
<b>3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	2,529,724,665,066	1,746,275,788,503
Doanh thu bán thành phẩm	0	0
Doanh thu dịch vụ	0	0
<b>Cộng</b>	<b>2,529,724,665,066</b>	<b>1,746,275,788,503</b>
<b>4 . Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng hóa	2,294,703,247,579	1,592,994,063,161
Giá vốn của thành phẩm		
Giá vốn dịch vụ		
Giá vốn của hợp đồng xây dựng		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
<b>Cộng</b>	<b>2,294,703,247,579</b>	<b>1,592,994,063,161</b>
<b>5 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18,077,601,580	2,870,215,952
Khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18,077,601,580</b>	<b>2,870,215,952</b>
<b>6 . Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	43,410,393,003	63,179,211,968
Chi phí tài chính khác	30,267,084,665	8,172,800,000
<b>Cộng</b>	<b>73,677,477,668</b>	<b>63,187,384,769</b>
<b>7 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	54,730,519,161	2,669,075,936
Các khoản điều chỉnh tăng	957,481,399	1,630,516,839
Lương HĐQT không tham gia điều hành		
Chi phí không hợp lệ	957,481,399	1,630,516,839
Hoàn lại Thu nhập đã tính thuế thu nhập hoãn lại		
Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư nhận được sau thuế TNDN		
Cổ tức nhận được trong kỳ	0	
<b>Tổng lợi nhuận kế toán chịu thuế. Trong đó:</b>	<b>55,688,000,560</b>	<b>4,299,592,775</b>
Hoạt động chịu thuế suất 20% - HĐ SXKD	55,688,000,560	4,299,592,775
Hoạt động chịu thuế suất 25% - HĐ khác	0	0
<b>Thuế suất</b>		
Thuế suất 20%	20.0%	20.0%

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9+10 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành

11,137,600,112	859,918,555
----------------	-------------

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

43,592,919,049

1,809,157,381

Điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi

0

nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ

36,877,980

36,877,980

Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ

Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

36,877,980

36,877,980

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

1,182

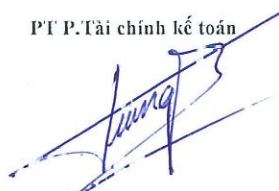
49

Người lập



Bùi Đức Huy

PT P.Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

